

**– HỘI KẾ TOÁN TP. HCM –
SINH HOẠT HỘI VIÊN T4.2019**

**BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Th.s. Lê Thị Minh Châu
Tháng 4 năm 2019*

1

Mục tiêu

- ²
- Hệ thống lại kiến thức về báo cáo lưu chuyển tiền tệ:
 - Bản chất, mục đích và nội dung của báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Lập BC LCTT:
 - Các phương pháp lập
 - Các trường hợp thường gặp trong thực tế

Nội dung

3

- Những vấn đề chung
- Một số khái niệm và nguyên tắc cơ bản
- Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - Phương pháp phân tích nghiệp vụ (The transactions – based method); hoặc
 - Phương pháp căn cứ vào các BCTC (The financial – statement – based method)

Những vấn đề chung

4

- Mục đích
- Bản chất và ý nghĩa
- Một số khái niệm và nguyên tắc cơ bản
- Kết cấu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Cơ sở lập
- Yêu cầu mở sổ kế toán chi tiết

Sự cần thiết của báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- 5
- Rủi ro kinh doanh ngày càng tăng
 - Hạn chế của các báo cáo dồn tích
 - Sự khác biệt rất lớn giữa kế toán trên cơ sở tiền và kế toán trên cơ sở dồn tích

Mục tiêu của báo cáo LCTT

- 6
- Giúp chủ nợ, chủ đầu tư và các đối tượng khác trong việc đánh giá
 - ▣ Khả năng của công ty trong việc thanh toán nợ và trả cổ tức
 - ▣ Nhu cầu của công ty đối với tài trợ từ bên ngoài
 - ▣ Nguồn thu và chi tiền
 - ▣ Lý do về sự khác biệt giữa chỉ tiêu lợi nhuận ròng và luồng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh
 - ▣ Nguyên nhân của sự thay đổi của tiền (và tương đương tiền) cuối kỳ so với đầu kỳ

BẢN CHẤT BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7 SỰ TRÌNH BÀY LẠI TÌNH HÌNH THU CHI TIỀN DƯỚI MỘT HÌNH THỨC CUNG CẤP THÔNG TIN HỮU ÍCH HƠN

BÁO CÁO THU CHI

Tiền đầu kỳ
Thu trong kỳ
Chi trong kỳ
Tiền cuối kỳ

- Không quan tâm các nghiệp vụ nội bộ giữa các loại tiền

$$Tđk + THU - CHI = Tck$$

Do đó:

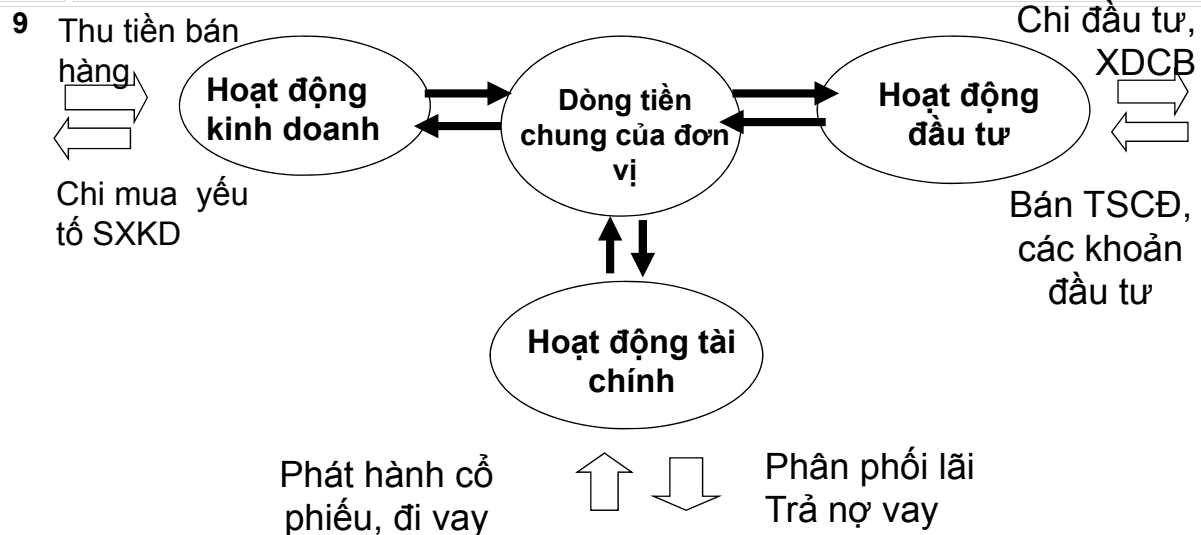
$$Tck - Tđk = THU - CHI$$

Tiền và báo cáo lưu chuyển tiền

8

TIỀN		BÁO CÁO LCTT	
<u>Tiền đầu kỳ</u>			<u>TIỀN ĐẦU KỲ</u>
A1 = THU TỪ HĐ KINH DOANH	B1 = CHI CHO HĐ KINH DOANH	A1 - B1	LCT THUẬN TỪ HĐ KD
A2 = THU TỪ HĐ ĐẦU TƯ	B2 = CHI CHO HĐ ĐẦU TƯ	A2 - B2	LCT THUẬN TỪ HĐ ĐT
A3 = THU TỪ HĐ TÀI CHÍNH	B3 = CHI CHO HĐ TÀI CHÍNH	A3 - B3	LCT THUẬN TỪ HĐ TC
TỔNG THU TRONG KỲ	TỔNG CHI TRONG KỲ		TIỀN ↑↓ TRONG KỲ
<u>Tiền cuối kỳ</u>			<u>TIỀN CUỐI KỲ</u>

MỘT DẠNG TRÌNH BÀY CUNG CẤP THÔNG TIN HỮU ÍCH HƠN



Các khái niệm cơ bản

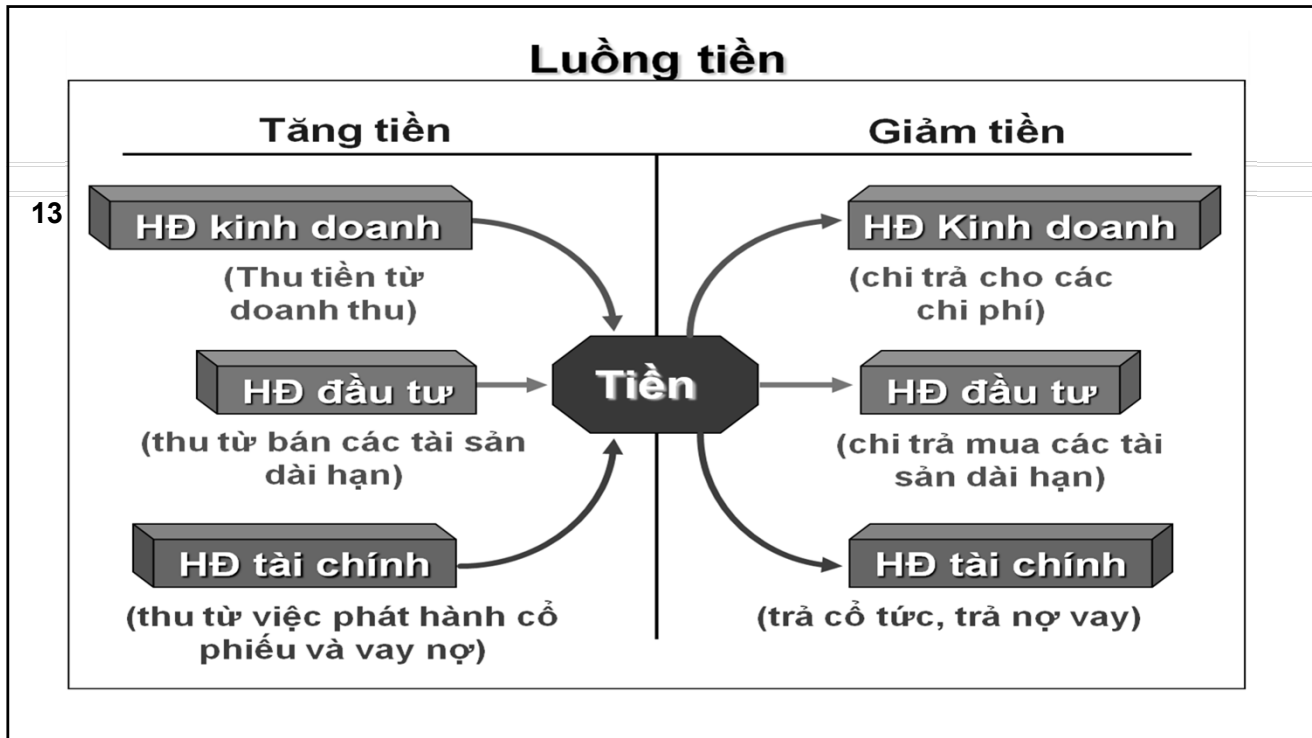
- 10
- **Tiền** bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.
 - **Tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn:
 - ▣ Có thời gian thu hồi vốn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư
 - ▣ Dễ dàng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định
 - ▣ Không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.
 - **Luồng tiền:** Là luồng vào và luồng ra của tiền và tương đương tiền, không bao gồm chuyển dịch nội bộ giữa các khoản tiền và tương đương tiền trong doanh nghiệp.

Các khái niệm cơ bản

- 11
- Nghiệp vụ phi tiền tệ:
 - Vay NH, dùng tiền mua thiết bị
 - Cổ đông góp vốn bằng TSCĐ
 - Có hai cách xử lý: Giả thu giả chi: (ưu điểm cung cấp thông tin)
 - Hình dung được dòng tiền nhưng đi ngược lại bản chất của BCLCTT
 - Do vậy cần thuyết minh lưu chuyển tiền tệ: Rất quan trọng

Các loại luồng tiền

- 12
- Dựa trên 3 loại hoạt động của doanh nghiệp
 - ▣ Luồng tiền từ hoạt động kinh doanh
 - ▣ Luồng tiền từ hoạt động đầu tư
 - ▣ Luồng tiền từ hoạt động tài chính



LUỒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

15

Luồng tiền vào

Tiền thu từ bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

Thu hồi các khoản cho vay (gốc)

Thu lãi tiền vay, cổ tức nhận được

Luồng tiền ra

Tiền trả mua tài sản cố định và đầu tư dài hạn

Tiền cho vay

LUỒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

16

Luồng tiền vào

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu

Thu từ các khoản đi vay cả dài + ngắn hạn

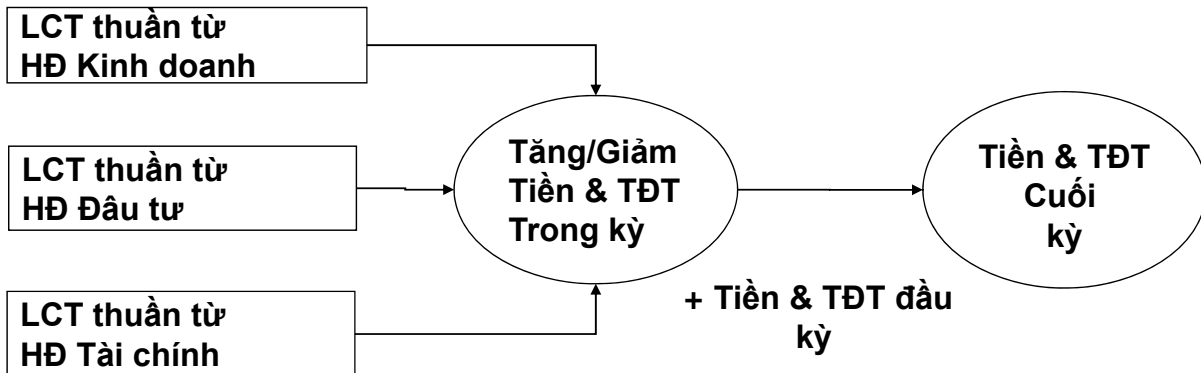
Luồng tiền ra

Trả nợ (gốc)

Tiền trả cổ tức

Kết cấu của báo cáo LCTT

17



Phương pháp lập BCLCTT

18

- Hai phương pháp
 - ▣ Phương pháp trực tiếp
 - ▣ Phương pháp gián tiếp
- Khác nhau ở cách xác định dòng tiền từ hoạt động kinh doanh
- Mục lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư và HĐ tài chính của hai phương pháp giống nhau
- Dùng worksheet để lập

HƯỚNG DẪN LẬP BCLCTT

- Các nguyên tắc và yêu cầu chung:
 - ▣ Cơ sở pháp lý
 - ▣ Yêu cầu và Nguyên tắc chung
 - ▣ Tổ chức thông tin cho việc lập BCLCTT
- Lập BCLCTT – PP trực tiếp:
 - ▣ Dựa trên phân tích trực tiếp các giao dịch thu, chi
 - ▣ Dựa trên các BCTC khác
- Lập BCLCTT – PP gián tiếp

19

Lập Báo cáo LCTT – yêu cầu chung –

- Cơ sở pháp lý hiện nay
 - ▣ Chuẩn mực kế toán số 24 - BCLCTT
 - ▣ Thông tư 200/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính: *Mẫu biểu và hướng dẫn lập*
- Yêu cầu
 - ▣ Trách nhiệm lập BCLCTT: *Tất cả doanh nghiệp thuộc mọi ngành, mọi thành phần;*
 - ▣ Thời hạn lập và nộp: *trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.*

20

Lập Báo cáo LCTT – nguyên tắc chung –

- NT1. Lập trên cơ sở tiền: luồng vào và luồng ra của tiền và tương đương tiền, không bao gồm chuyển dịch nội bộ giữa tiền và tương đương tiền
- NT2. Tách biệt 03 loại hoạt động: kinh doanh, đầu tư và tài chính;
- NT3: Trình bày theo cách thức phù hợp nhất với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp;

21

Lập Báo cáo LCTT – nguyên tắc chung –

- NT4: Báo cáo trên cơ sở thuần:
 - Thu và chi hộ khách hàng, chủ sở hữu tài sản; Các quỹ đầu tư giữ cho khách hàng...
 - Vòng quay nhanh, thời gian đáo hạn ngắn: không quá 3 tháng.
- NT5: Quy đổi ngoại tệ ra đồng tiền ghi sổ kế toán theo tỷ giá thực tế tại ngày lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

22

Lập Báo cáo LCTT – nguyên tắc chung –

- NT6: Không trình bày Giao dịch không trực tiếp sử dụng tiền
 - (a) Việc mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính;
 - (b) Việc mua một doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu;
 - (c) Việc chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.

23

Lập Báo cáo LCTT – nguyên tắc chung –

- NT7: Trình bày riêng biệt Số dư đầu kỳ và cuối kỳ của tiền và tương đương tiền; ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái tương ứng trên Bảng Cân đối kế toán.
- NT8: Trình bày ghi chú (giá trị và lý do) cho các số dư cuối kỳ lớn nhưng không được sử dụng.

24

Căn cứ lập

- Bảng Cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước

25

Căn cứ lập

- Các tài liệu kế toán khác, như:
 - Sổ kế toán tổng hợp;
 - Sổ kế toán chi tiết các Tài khoản “Tiền mặt”, “Tiền gửi Ngân hàng”, “Tiền đang chuyển”;
 - Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết của các Tài khoản liên quan khác,
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ và;
 - Các tài liệu kế toán chi tiết khác...

26

Phương pháp lập

– VAS 24: 2 phương pháp –

- PP trực tiếp: xác định luồng tiền theo 1 trong 2 cách:
 - ▣ Phân tích và tổng hợp trực tiếp các khoản thu chi từ các ghi chép kế toán trong kỳ; hoặc
 - ▣ Điều chỉnh các khoản mục trong BC KQKD.
- PP gián tiếp: điều chỉnh tổng lợi nhuận trước thuế để xác định luồng tiền từ hoạt động KD
- ⇒ Chỉ khác nhau ở phần “Lưu chuyển tiền từ HĐ KD”
- ⇒ PP trực tiếp: Thông tư chỉ hướng dẫn lập theo cách 1²⁷

Lập Báo cáo LCTT

– Phương pháp trực tiếp –

- ²⁸ □ Biểu mẫu: theo Thông tư 200 (không thay đổi so với quyết định 15)
- Phương pháp: Phân tích và tổng hợp trực tiếp các khoản tiền thu và chi theo từng nội dung thu, chi từ các ghi chép kế toán của DN
- Nên: “bottom up”

Phân biệt 03 loại hoạt động

29

- Hoạt động kinh doanh:
 - ▣ Tạo ra doanh thu chủ yếu
 - ▣ Có liên quan đến khoản mục doanh thu, giá vốn, CPQL, CPBH và các chi phí TÀI CHÍNH trên BCKQKD.
 - ▣ Các khoản KHÔNG thuộc đầu tư + KHÔNG thuộc tài chính.

Phân biệt 03 loại hoạt động

30

- Hoạt động đầu tư:
 - ▣ Liên quan tài sản dài hạn + đầu tư (KHÔNG phải là các khoản tương đương tiền).
 - ▣ Bao gồm các khoản lãi nhận được từ đầu tư

Phân biệt 03 loại hoạt động

- 31
- Hoạt động tài chính:
 - ▣ Liên quan vốn chủ sở hữu và vốn vay
 - ▣ KHÔNG liên quan đến khoản mục doanh thu và chi phí tài chính trên BCKQKD. Các khoản mục doanh thu và chi phí tài chính trên BCKQKD được phân loại vào lưu chuyển từ hoạt động khác.
 - ▣ Bao gồm việc phân phối LN cho chủ sở hữu

Phân biệt 3 loại hoạt động

- lưu ý -

- 32
- Luồng tiền liên quan đến thuế TNDN => hoạt động KD
 - Tiền đi vay, chi trả nợ gốc vay => hoạt động tài chính
 - Chi trả lãi vay => hoạt động kinh doanh
 - Chi cho vay, thu hồi tiền cho vay, thu lãi cho vay => hoạt động đầu tư
 - Thu, chi từ mua bán chứng khoán vì mục đích thương mại => hoạt động kinh doanh

Lập Báo cáo LCTT – Phương pháp trực tiếp –

- Biểu mẫu: theo TT200/2014/TT-BTC
- 2 phương pháp xác định số liệu:
 - ▣ Phương pháp phân tích nghiệp vụ (The transactions – based method); hoặc
 - ▣ Phương pháp căn cứ vào các BCTC (The financial – statement – based method)

PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	Mã số	Số ví dụ	
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		Xxx
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(xxx)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(xxx)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(xxx)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(xxx)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		Xxx
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(xxx)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Kết cấu các khoản mục

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	Mã số	Thuyết minh	(+/-)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		+
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		+
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		+
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		+
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		

35

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Kết cấu các khoản mục

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	Mã số	TM	(+/-)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		+
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		+
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(+/-)

36

Phương pháp trực tiếp - tính và ghi các chỉ tiêu -

	Mã số		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		MS 70 – MS 60 = MS 20 + 30 + 40
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	xxx	MS 110 BCĐKT cuối kỳ trước
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(xxx) xxx	PS Nợ4131/Có 11*, hoặc PS Nợ11*/ Có 413
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	Xxx	MS 110 BCĐKT cuối kỳ

- MS 50: Số liệu > 0 => ghi thường
- Số liệu < 0 => ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (***)

37

Lập Báo cáo LCTT – Phương pháp trực tiếp –

38

- Bài tập 1: The transactions – based method
- Nhận xét

Lập Báo cáo LCTT – Phương pháp trực tiếp –

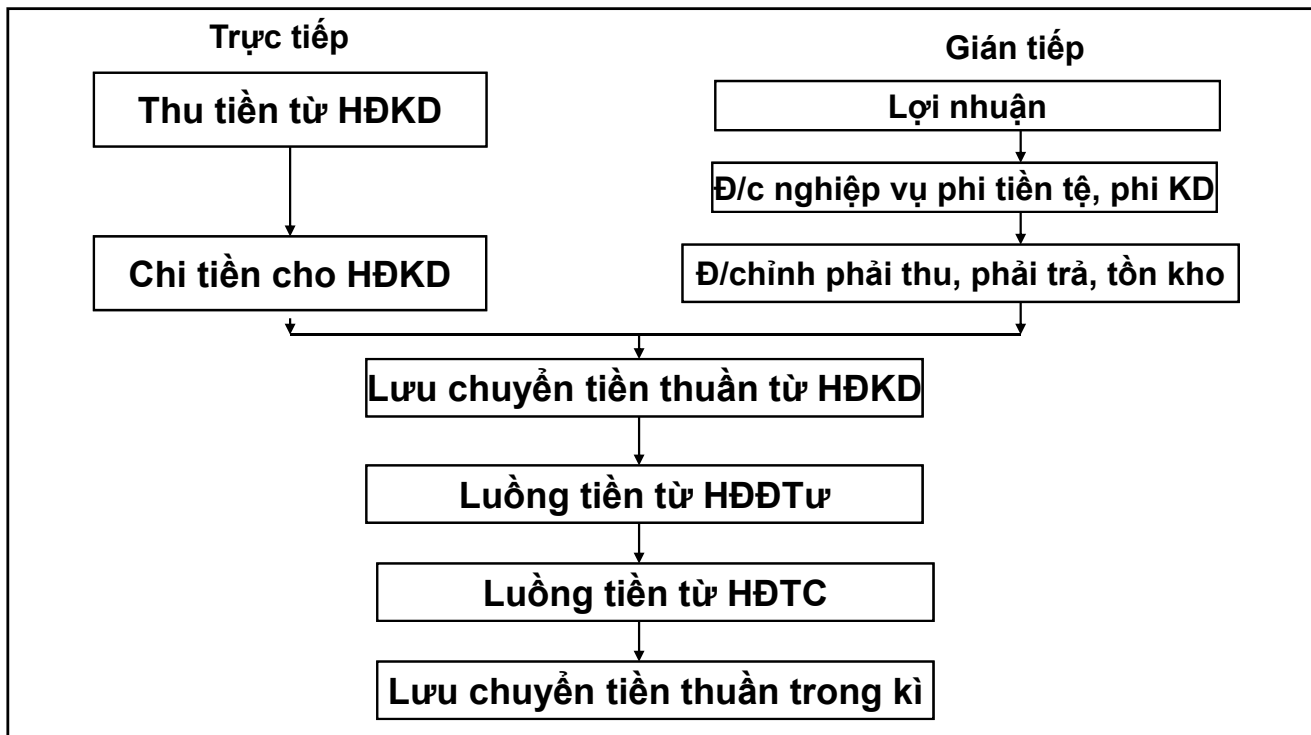
39

- The financial – statement – based method:
 - ▣ Điều chỉnh các chỉ tiêu từ BC KQKD và BCĐKT để xác định các luồng tiền
 - ▣ L/C tiền thuần = Tiền thu vào – Tiền chi ra
- Bài tập 2: tính các chỉ tiêu và trình bày BC LCTT theo PP trực tiếp
- Nhận xét

TRÌNH BÀY THEO PP TRỰC TIẾP – Xác định luồng tiền từ HĐKD			
Tiền thu từ bán hàng và CC DV	=	Doanh thu BH & CCDV	
		- Tăng Nợ phải thu; hoặc + Giảm Nợ phải thu	
Chi trả cho người bán HHDV	=	Giá vốn hàng bán	+ Tăng Hàng tồn kho, hoặc
			- Giảm Hàng tồn kho
			+ Giảm Nợ phải trả, hoặc
			- Tăng Nợ phải trả
Chi trả cho người lao động	=	Chi phí tiền lương	
		+ Giảm khoản P/ trả NLĐ, - Tăng khoản P/ trả NLĐ	
Chi phí HĐ thực chi bằng tiền	=	Chi phí (trừ lương và KH)	
		+ Tăng CP trả trước, hoặc - Giảm CP trả trước	

Lập Báo cáo LCTT – Phương pháp gián tiếp –

- Phương pháp gián tiếp:
 - Lập căn cứ vào các BCTC
 - L/c tiền từ HĐKD: Điều chỉnh LN thuần từ BCKQKD cho:
 - Các khoản DT, CP không bằng tiền
 - Các khoản không thuộc hoạt động kinh doanh
 - Sự thay đổi của vốn lưu động
 - Luồng tiền từ HĐ Đầu tư và TC: phân tích các TK liên quan
 - Nên: “bottom up”



TIỀN VÀO (THU) Thu tiền bán hàng, dịch vụ TIỀN RA (CHI) Chi mua hàng Chi trả nợ người bán Chi nộp thuế TNDN	DOANH THU Doanh thu bán hàng, dịch vụ CHI PHÍ Giá vốn hàng bán Chi phí phải trả Khấu hao	Nợ phải thu CK-ĐK Hàng tồn kho CK-ĐK Nợ phải trả ĐK_CK Chi nộp thuế TNDN Khấu hao	
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HĐKD	=	LỢI NHUẬN +/-	TỔNG CHÊNH LỆCH₄₃

PP gián tiếp - Nguyên tắc điều chỉnh -

44 TỪ LN TRƯỚC THUẾ

- Điều chỉnh các khoản doanh thu, chi phí không bằng tiền
- Loại trừ các khoản lãi (lỗ) không thuộc hoạt động kinh doanh
- Điều chỉnh theo những thay đổi của vốn lưu động

PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Điều chỉnh các khoản DT, CP không bằng tiền

CÔNG THỨC:

Lãi/lỗ = Tổng Doanh Thu, thu nhập - Tổng Chi phí

Lãi/lỗ = [DT, TN bằng tiền + DT, TN KHÔNG tiền] – [CP bằng tiền + CP KHÔNG tiền]

Lãi/lỗ = [DT, TN bằng tiền - CP bằng tiền] + [DT, TN KHÔNG tiền – CP KHÔNG tiền]

Lãi/lỗ = Tiền thuần + [DT, TN KHÔNG tiền – CP KHÔNG tiền] (1)

=> Tiền thuần = Tổng Lãi/ Lỗ - [DT, TN KHÔNG tiền – CP KHÔNG tiền]

(1)=>(1.2) Tổng Lãi/lỗ = Tiền thuần + Lãi/lỗ KHÔNG tiền

Tiền thuần = Tổng Lãi/ Lỗ + CP KHÔNG tiền – DT, TN KHÔNG tiền

45

PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Điều chỉnh các khoản DT, CP không bằng tiền

■ Nói thêm ý nghĩa từ **CÔNG THỨC:**

Tổng Lãi/lỗ = Tiền thuần + Lãi/lỗ KHÔNG tiền

- Việc đánh giá hoạt động kinh doanh nếu chỉ nhìn vào BCKQKD là chưa đủ.

- Việc bắt buộc phải lập BCLCTT và hiểu BCLCTT là yêu cầu cấp thiết khi xem xét hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Lãi cao: Nhưng lại thiếu tiền và ngược lại: vẫn có thể rất khó khăn đối với các khoản nợ đến hạn

Lỗ nặng: nhưng tiền vẫn chưa sử dụng hiệu quả (bị lãng phí tiền mặt).

46

PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Điều chỉnh các khoản DT, CP không bằng tiền

- Các khoản phải điều chỉnh:
 - Khấu hao TSCĐ: CP KHÔNG TIỀN: +
 - Dự phòng tăng thêm: CP KHÔNG TIỀN: +
 - Dự phòng giảm bớt (hoàn nhập): TN KHÔNG TIỀN: -
 - LỖ CLTG chưa thực hiện: CP KHÔNG TIỀN: +
 - LÃI CLTG chưa thực hiện: DT KHÔNG TIỀN: -
 - Chi phí lãi vay phải trả: CP KHÔNG TIỀN: +

47

PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

- Loại trừ lãi (lỗ) không thuộc hoạt động KD -

⁴⁸ Tổng lãi / lỗ = Lãi/lỗ từ HĐKD + Lãi/Lỗ từ HĐĐT

⇒ Để xác định luồng tiền từ HĐKD từ tổng LN trước thuế, phải loại trừ các khoản lãi / lỗ từ Hoạt động đầu tư

- LỖ hoạt động đầu tư: +
- LÃI hoạt động đầu tư: -

PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Cách lập từng chỉ tiêu

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	Xxx - Lãi	(xxx) - Lỗ
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	+	
- Các khoản dự phòng	03	+ DP tăng	- Hoàn nhập
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	+ (Lỗ)	- (Lãi)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	+ (Lỗ)	- (Lãi)
- Chi phí lãi vay	06	+	
3. LN từ HĐKD trước thay đổi VLĐ	08		

49

PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Điều chỉnh theo sự thay đổi của VLĐ

- 50**
- Liên hệ với Bảng cân đối kế toán
 - Xác định chênh lệch Cuối kỳ - Đầu kỳ của từng khoản mục
 - Điều chỉnh:
 - ▣ Hàng tồn kho, nợ phải thu, CP trả trước: biến động ngược chiều với tiền
 - ▣ Nợ phải trả biến động cùng chiều với tiền
 - Lưu ý:
 - ▣ Loại trừ các khoản phải thu, phải trả không thuộc hoạt động kinh doanh
 - ▣ Lãi vay đã trả và thuế TNDN đã nộp được trình bày riêng biệt

Chỉ tiêu	Mã số	(+)	(-)
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
.....	01	Xxx	(xxx)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	- (CK – DK)	} Nhóm trái dấu
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	- (CK – DK)	
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	- (CK – DK)	
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	+ (CK – DK)	⇒ Nhóm cùng dấu
- Tiền lãi vay đã trả	13	--	Trừ (-)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	Trừ (-)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	+	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	xxx	

51

Chỉ tiêu	Mã số	(+)	(-)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	Xxx - Lãi	(xxx) - Lỗ
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	+	
- Các khoản dự phòng	03	+ (DP tăng)	- (Hoàn nhập)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	+ (Lỗ)	- (Lãi)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	+ (Lỗ)	- (Lãi)
- Chi phí lãi vay	06	+	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	- (CK – DK)	
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	- (CK – DK)	
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	+ (CK – DK)	
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	- (CK – DK)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	+ (CK – DK)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	+ (CK – DK)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	+	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	xxx	

52

Chỉ tiêu	Mã số	(+)	(-)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	Xxx - Lãi	(xxx) - Lỗ
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	+	
- Các khoản dự phòng	03	+ (DP tăng)	- (Hoàn nhập)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	+ (Lỗ)	- (Lãi)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	+ (Lỗ)	- (Lãi)
- Chi phí lãi vay	06	+	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	- (CK – DK)	
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	- (CK – DK)	
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	+ (CK – DK)	
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	- (CK – DK)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	+	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	xxx	

Lập Báo cáo LCTT – Phương pháp GIÁN tiếp –

54

- Bài tập 2
- Nhận xét

Thảo luận

- Những vướng mắc thường gặp